UBND TỈNH SÓC TRĂNG
BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /BC-BQL

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG
ĐẾN Số: 11617
Ngày: 22/11/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2018

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (CCHC):

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh:

a) Nhiệm vụ được giao:

Chỉ đạo toàn thể công chức cơ quan thực hiện nghiêm các kế hoạch về công tác CCHC của tỉnh. Đồng thời quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao về việc đẩy mạnh CCHC theo ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 41/UBND-TH ngày 11/01/2018 và thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2018 tại văn bản số 569 UBND-TH ngày 05/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện những nhiệm vụ theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 1491/UBND-TH ngày 13/8/2018 và triển khai Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020 đến công chức cơ quan.

b) Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao:

Với kết quả Chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2017, Ban Quản lý đã tổ chức cuộc họp nội bộ cơ quan ngày 16/8/2018 để đánh giá, rút kinh nghiệm những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế trong thực hiện công tác CCHC năm 2017 và đề ra giải pháp để thực hiện tốt hơn trong năm 2018 như: phải thực hiện đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định đối với các báo cáo CCHC, bố trí kinh phí để triển khai nhiệm vụ CCHC, đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC, cử công chức thực hiện đầy đủ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đề ra, triển khai sử dụng phần mềm một cửa điện tử và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử, hệ thống thư điện tử tỉnh…

Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp ban hành Quyết định số 83/QĐ-BQL ngày 01/10/2018 về Quy chế đánh giá, phân loại đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công chức, người lao động và Quyết định số 104/QĐ-BQL ngày 30/10/2018 về Quy chế thi đua – khen thưởng tại Ban Quản lý các khu công nghiệp (thay thế Quyết định 30/QĐ-BQL ngày 18/5/2015) trên mức kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó đưa nội dung khen thưởng đối với

công chức phụ trách, tham mưu thực hiện công tác CCHC vào Quy chế khen thưởng hàng năm của cơ quan theo Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh.

Quán triệt đến công chức cơ quan tổ chức triển khai thực hiện và nghiêm túc chấp hành nội dung Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh (Công văn số 2134/UBND-KSTT ngày 06/11/2018) trong cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Quản lý.

c) Đánh giá sơ bộ nội dung đã thực hiện:

Ban Quản lý đã thực hiện hoàn thành các nội dung nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh.

2. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại cơ quan:

a) Liệt kê những nội dung đã ban hành:

Thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2018, Ban Quản lý các khu công nghiệp (Ban Quản lý) đã xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch năm 2018 như:

- Thực hiện công tác cải cách hành chính (Kế hoạch số 12/KH-BQL ngày 01/3/2018);

- Tuyên truyền công tác cải cách hành chính (Kế hoạch số 15/KH-BQL ngày 02/3/2018);

- Kiểm tra công tác cải cách hành chính (Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 02/3/2018);

- Thực hiện công tác pháp chế (Kế hoạch số 06/KH-BQL ngày 26/01/2018);

- Kiểm soát TTHC (Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 03/01/2018);

- Rà soát, đánh giá TTHC (Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 19/01/2018);

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 và Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 16/7/2018);

- Ứng dụng công nghệ thông tin (Kế hoạch số 20/KH-BQL ngày 20/3/2018);

- Kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và kế hoạch tổ chức đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 23/02/2018 và Kế hoạch số 17/KH-BQL ngày 16/3/2018). Đồng thời, ban hành Quyết định số 76/QĐ-BQL ngày 04/9/2018 về việc công

bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại Ban Quản lý các khu công nghiệp.

b) Đánh giá hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã thực hiện:

Ban Quản lý đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, nội dung liên quan đến công tác CCHC tại cơ quan năm 2018 đạt 100% kế hoạch đề ra và thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC:

1. Thực hiện việc phân cấp quản lý:

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý theo quy định: Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ phân cấp thẩm định dự toán và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (thay thế Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 19/10/2017). Kết quả từ ngày 01/01 – 15/11/2018 có 09 công trình được thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng; 11 công trình được cấp giấy phép xây dựng và 01 công trình được cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo trong khu công nghiệp.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể CCHC:

a) Báo cáo thông tin:

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Nguyễn Thanh Trong	Trưởng ban		nttrong@soctrang.gov.vn 0913 740 690
2	Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Đỗ Thanh Chiến	Chánh Văn phòng	Đại học Môi trường	dtchien@soctrang.gov.vn 0907 192 132
3	Công chức phụ trách tham mưu công nghệ thông tin	Triệu Thị Đờ	Cán sự Văn phòng	Cao đẳng Tin học	ttdo@soctrang.gov.vn 0989 484 328
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Triệu Thị Đờ *(phụ trách từ 01/01 – 31/10)*	Cán sự Văn phòng	Cao đẳng Tin học	ttdo@soctrang.gov.vn 0989 484 328
		Trần Thị Thanh Thúy *(phụ trách từ 01/11 đến nay)*	Văn thư – Lưu trữ	Đại học Ngữ văn	tttthuy2@soctrang.gov.vn 0795 808 128

b) Tóm tắt kết quả nổi bật đạt được trong quá trình triển khai 04 nhiệm vụ CCHC và một số nhiệm vụ khác:

b.1) Cải cách thể chế:

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 về Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định đơn giá thu tiền sử dụng hạ tầng khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 50/TTr-BQL ngày 06/11/2018).

b.2) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC), thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Đẩy mạnh cải cách hành chính như tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định về Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 889/QĐ-UNBD ngày 13/4/2018); quyết định công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quyết định bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp (Quyết định số 2135/QĐ-UBND và 2136/QĐ-UBND ngày 24/8/2018).

Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời tại trụ sở Ban Quản lý (trên Bảng niêm yết) và trên Cổng thông tin điện tử thành phần của cơ quan với tổng số 37/37 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và 08/08 TTHC theo cơ chế một cửa liên thông.

b.3) Cải cách tổ chức bộ máy:

Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy theo Đề án 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

b.4) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức:

- Triển khai Đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức theo đúng vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 16/5/2018.

- Tiếp nhận và phân công nhiệm vụ đối với 01 công chức trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức năm 2018. Phê quyệt quy hoạch lãnh đạo cấp phòng thuộc Ban Quản lý giai đoạn 2016 – 2021 và 2021 - 2026.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức: đã ban hành và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức năm 2018 (văn bản số 546/BQL-VP ngày 24/11/2017) như có 01 công chức hoàn thành lớp bồi dưỡng cao cấp lý luận

chính trị (hệ không tập trung khóa học 2016 – 2018), 02 công chức hoàn thành lớp bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị (hệ tập trung niên khóa 2017 – 2018), 01 công chức hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị (hệ tại chức), 01 công chức đang học lớp cao cấp lý luận chính trị (hệ tập trung niên khóa 2018 – 2019), 01 công chức đang học lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (hệ tại chức năm học 2018 – 2019), 01 công chức lãnh đạo hoàn thành lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh, 01 công chức hoàn thành lớp bồi dưỡng ngạch kế toán viên, 39 lượt công chức tham dự các lớp nghiệp vụ chuyên ngành và 12 công chức tham dự các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, kỹ năng nghiệp vụ tối thiểu hàng năm, đạt 100% so với kế hoạch.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách (khen thưởng, nâng lương...) đối với công chức:

+ Quyết định nâng lương trước thời hạn đối với 02 công chức, người lao động thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp năm 2018 theo ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

+ Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 01 cá nhân đã có thành tích trong công tác từ năm 2013 – 2017.

+ Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen cho tập thể Ban Quản lý các khu công nghiệp, 01 tập thể phòng và 01 cá nhân thuộc Ban Quản lý đã hoàn xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2017.

+ Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận 01 tập thể lao động xuất sắc và tặng Bằng khen cho 01 tập thể, 04 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm 2016 - 2017.

+ UBND tỉnh quyết định công nhận sáng kiến, cải tiến kỹ thuật cấp tỉnh năm 2017, giai đoạn 2015 – 2017 cho 02 cá nhân thuộc Ban Quản lý đã có sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp khoa học kỹ thuật được áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2017; công nhận Ban Quản lý các khu công nghiệp là cơ quan đạt chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2017.

b.5) Cải cách tài chính công:

Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 và Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 16/7/2018), hàng tháng công khai kinh phí thu chi thường xuyên, xây dựng định mức chi tăng thu nhập trên mức hoàn thành nhiệm vụ của công chức; ứng dụng phần mềm misa trong quản lý tài chính tài sản cơ quan và các phần mềm chuyên dùng khác.

b.6) Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước:

Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành mới (v3.0); phần mềm quản lý theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; phần mềm một cửa điện tử và các phần mềm chuyên ngành (phần

mềm kế toán Misa, phần mềm Autocad, phần mềm bảo hiểm xã hội,...) trong quá trình xử lý công việc, giải quyết công vụ.

Trên 90% công chức sử dụng thư điện tử của tỉnh trao đổi thông tin trong công việc; 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được cập nhật, công bố trên Cổng thông tin điện tử thành phần của Ban Quản lý.

Ban hành kế hoạch và quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và tổ chức đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng năm 2018 theo quy định. Có 37/37 TTHC có xây dựng quy trình và áp dụng theo ISO.

Kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO tại Ban Quản lý các khu công nghiệp (Quyết định số 34/QĐ-BQL ngày 08/5/2018).

b.7) Tình hình thực hiện Chỉ thị 26/CT-TTg và Chỉ thị 10/CT-CTUBND:

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 07/KH-BQL ngày 21/02/2018 về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; phổ biến Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 08/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp lại, xử lý và tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công đến toàn thể công chức, người lao động cơ quan thông qua các cuộc họp đoàn thể, họp định kỳ cơ quan. Kết quả đến nay, Ban Quản lý đã đạt được các nhiệm vụ như sau:

- Có 42 doanh nghiệp (52 dự án) thuê đất với tổng diện tích 164,92 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy là 87,3% so với diện tích đất quy hoạch cho thuê 188,91 ha (có 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài – FDI), trong đó có 25 doanh nghiệp (có 02 doanh nghiệp FDI) với 36 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) 8 tháng đầu năm 2018 là 6.123,7 tỷ đồng (trong đó doanh nghiệp FDI là 215,4 tỷ đồng), đạt 59,8% so với kế hoạch được giao, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2017.

- Doanh nghiệp nộp thuế vào ngân sách nhà nước đến tháng 8/2018 là 407 tỷ đồng.

- Tổng số lao động trong khu công nghiệp An Nghiệp tại thời điểm 30/9/2018 là 12.962 lao động (trong đó có khoảng 3.500 lao động công nhật, 6.399 lao động nữ) tăng 793 lao động so với thời điểm tháng 6/2018.

- Tổ chức thi công công trình khu tái định cư khu công nghiệp Trần Đề, giá trị khối lượng đạt 75%, đúng tiến độ đề ra.

Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý các khu công nghiệp năm 2018 (Kế hoạch số 13/KH-BQL ngày 01/3/2018) nhằm thực hiện kịp thời ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chức năng, nhiệm

vụ của Ban Quản lý; phân công, chỉ đạo toàn thể công chức, người lao động phải bám sát từng nhiệm vụ chính được giao để triển khai thực hiện một cách khẩn trương, hiệu quả về thời gian và đạt chất lượng cao, cụ thể như: lập phương án kêu gọi đầu tư khu dịch vụ và nhà ở công nhân khu công nghiệp An Nghiệp, tham mưu UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án kêu gọi thực hiện Dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Đề và khu công nghiệp Sông Hậu – Sóc Trăng, quyết định phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Trần Đề, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Trần Đề (giai đoạn 1) công suất 4.500 m^3/ngày.đêm; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khu công nghiệp Trần Đề, hoàn chỉnh phương án quy hoạch Khu tái định cư huyện Kế Sách để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp Sông Hậu – Sóc Trăng và Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 1, 2,...

Công chức của Ban Quản lý đã nghiêm túc thực hiện các quy định của Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh. Chấn chỉnh lề lối làm việc như khắc phục tình trạng đi trễ, về sớm, hạn chế tình trạng sử dụng giờ công làm việc cá nhân và không uống rượu bia trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc. Nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ và giải quyết công việc cho doanh nghiệp, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, luôn đeo thẻ công chức khi thực hiện nhiệm vụ và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc.

Phân công nhiệm vụ theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, phù hợp với năng lực sở trường của từng công chức.

Đội ngũ công chức thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp thể hiện qua cách ứng xử khi tiếp xúc với doanh nghiệp có thái độ lịch sự, hoà nhã, văn minh, trang phục nghiêm chỉnh đúng quy định, không có tình trạng gây những nhiễu, phiền hà trục lợi khi giải quyết công việc liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Tổ chức họp giao ban hàng tuần để thông tin báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong tuần và đề ra nhiệm vụ trong tuần sau.

Đánh giá chung: việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo điều hành và thực thi công vụ của công chức luôn được Lãnh đạo Ban quan tâm chỉ đạo thực hiện; công chức ngày một nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ, chấp hành nghiêm nội quy, quy chế cơ quan. Trong năm 2018 chưa phát hiện trường hợp nào có dấu hiệu sai phạm theo quy định Chỉ thị số 10/CT-CTUBND và Chỉ thị số 26/CT-TTg.

c) Cung cấp số liệu theo các biểu mẫu *(đính kèm Biểu mẫu 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14).*

III. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019:

1. Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính, tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 để làm cơ sở tổ chức thực hiện; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động cơ quan.

2. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 về việc ban hành Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp với các Sở, ban, ngành, địa phương khi Bộ ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện các nội dung theo Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

3. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp khi Bộ kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

4. Tiếp tục rà soát trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp theo quy định hiện hành; công khai, minh bạch về thủ tục hành chính; tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.

5. Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2019 và kiên quyết xử lý nghiêm đối với hành vi nhũng nhiễu, hách dịch trong thực thi công vụ.

6. Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động cơ quan.

7. Thực hiện nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ và theo Kế hoạch số 26/KH-BQL ngày 10/7/2018 của Ban Quản lý các khu công nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019, rất mong nhận được sự góp ý để Ban Quản lý thực hiện tốt hơn trong thời gian tới./.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- Lưu (BLĐ, các phòng, VT).

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG

Nguyễn Thanh Trong

Biểu mẫu 1B

Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

STT	Nội dung thống kê[1]	Số đơn vị kiểm tra/ tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/ UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	04	Không	Qua kiểm tra, các phòng thực hiện tốt quá trình giải quyết TTHC . Đồng thời đôn đốc, nhắc nhở các phòng tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ còn lại theo các kế hoạch CCHC đề ra đạt yêu cầu và chất lượng.	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	-		-	-	-
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	05/05	Không	Qua kiểm tra phát hiện các lỗi cần lưu ý, khắc phục	Các lỗi phát hiện đã được khắc phục, xử lý	-
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	-		-	-	-
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,..,)	-		-	-	-

[1] Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

Biểu mẫu 2B

Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	***Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND***		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	01	Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	01	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	01	
2	***Kiểm tra, xử lý VBQPPL***		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	02	- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 - Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	***Rà soát VBQPPL***		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	02	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	01	Quyết định quy định đơn giá thu tiền sử dụng hạ tầng KCN An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng (thay thế Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND)
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	01	Đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định đơn giá thu tiền sử dụng hạ tầng KCN An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	-	

Biểu mẫu 3B

Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	- Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 03/01/2018 - Kế hoạch số 05/KH-BQL ngày 19/01/2018
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[2]	37/37 08/08	- Theo cơ chế 1cửa - Theo cơ chế 1cửa liên thông
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[3]	37/37 08/08	- Theo cơ chế 1cửa - Theo cơ chế 1cửa liên thông
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

[2] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

[3] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC thẩm mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC thẩm mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[8]	Số TTHC liên thông dọc[9]	
I	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh**									Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 06/9/2017, Quyết định 889/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 và Quyết định 2135/QĐ-UBND ngày 24/8/2018
1	*Lĩnh vực thương mại quốc tế*	*05*	*0*	*0*	*0*	*05*	*0*	*0*	*0*	Quyết định số 2257/QĐ-UBND
2	*Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam*	*15*	*0*	*0*	*0*	*15*	*0*	*0*	*0*	
3	*Lĩnh vực xây dựng*	*05*	*01*	*01*	*0*	*05*	*0*	*0*	*0*	Quyết định số 2257/QĐ-UBND, 2135/QĐ-UBND

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[8]	Số TTHC liên thông dọc[9]	
4	*Lĩnh vực việc làm*	*05*	*0*	*0*	*0*	*05*	*0*	*0*	*0*	Quyết định số 2257/QĐ-UBND
5	*Lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động*	*06*	*06*	*06*	*0*	*06*	*0*	*0*	*0*	Quyết định số 2135/QĐ-UBND
6	*Lĩnh vực an toàn lao động*	*01*	*01*	*01*	*0*	*01*	*0*	*0*	*0*	Quyết định số 2135/QĐ-UBND
7	*Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư nước ngoài*	*01*	*01*	*01*	*0*	*0*	*01*	*01*	*0*	Quyết định 889/QĐ-UBND ngày 13/4/2018
8	*Thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*	*01*	*01*	*01*	*0*	*0*	*01*	*01*	*0*	
9	*Lĩnh vực môi trường*	*04*	*04*	*04*	*0*	*0*	*04*	*04*	*0*	
10	*Lĩnh vực phòng cháy chữa cháy*	*02*	*02*	*02*	*0*	*0*	*02*	*02*	*0*	
Tổng số		**45**	**16**	**16**	**0**	**37**	**08**	**08**	**0**	

Biểu mẫu 5B

Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
			Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
		Tổng số	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[4]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[5]	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6) =(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	***TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh***	*139*	*0*	*139*	*133*	*133*	*0*	*06*	*06*	*0*	*Trong đó hồ sơ giải quyết:* *- Theo cơ chế một cửa: 114/115 hồ sơ.* *- Theo cơ chế một cửa liên thông: 19/24 hồ sơ.*
Tổng số		**139**	**0**	**139**	**133**	**133**	**0**	**06**	**06**	**0**	

[4] Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

[5] Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

Biểu mẫu 6B

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[6]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[7]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[8]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[9]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[10]					
I	*Các cơ quan tỉnh*	*05*	*0*	*04*	*0*	*0*	*0*	*05*	*0*	*0*	*0*	*17*	***Tăng 01 biên chế do trúng tuyển công chức năm 2018***	*0*	*0*	

[6] Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)
[7] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại
[8] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại
[9] Nêu rõ thiếu chuẩn nào
[10] Nêu rõ thiếu chuẩn nào

Biểu mẫu 7B

Thống kê số liệu về CBCCVC tại Ban Quản lý các khu công nghiệp

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng[11] CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC[12]	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HĐ chuyên môn		Đào tạo[13]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[14]	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[15]	Không qua thi/ tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[16]		TX[17]	TH[18]
I	*Các cơ quan tỉnh*	17	0	17	0	15	0	01	**0** (do không có người để chuyển đổi và chưa đủ thời gian phải chuyển đổi)	01	01	0	0	0	0	07	02

[11] Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng
[12] Thống kê chi tiết tại đây
[13] Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...
[14] Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề
[15] Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng
[16] Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ
[17] Thường xuyên
[18] Trước hạn

Biểu mẫu 8B

Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại Ban Quản lý các khu công nghiệp

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 và Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	

Biểu mẫu 9B

Thông tin, số liệu về cải cách tài chính công tại Ban Quản lý các khu công nghiệp

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	01	0	Ban Quản lý các khu công nghiệp
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			

Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Ban Quản lý các khu công nghiệp

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	***Cơ quan cấp tỉnh***	***1.275***	***1.275***	***0***	***59***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	

Biểu mẫu 11B

Thống kê số liệu kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	*Cơ quan cấp tỉnh*	0	0	0	Do Trụ sở Ban Quản lý các khu công nghiệp nằm trong khu công nghiệp An Nghiệp nên thuận lợi cho doanh nghiệp nộp hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính trực tiếp tại Ban Quản lý. Vì vậy, Ban Quản lý các khu công nghiệp chưa thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích mà chỉ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trực tiếp tại cơ quan.

Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại Ban Quản lý các khu công nghiệp

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	**Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống**		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	-	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	-	
II	**Duy trì, cải tiến hệ thống**		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Ban hành Quyết định số 76/QĐ-BQL ngày 04/9/2018 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại Ban Quản lý các khu công nghiệp.
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	Đánh giá nội bộ lần 1 vào ngày 05/6/2018 và lần 2 vào ngày 02/11/2018.
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	Tổ chức họp xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng vào ngày 05/6/2018 và 02/11/2018.
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	- Công văn số 419/BKHCN-TĐC ngày 21/02/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015. - Kế hoạch số 28/KH-SKHCN ngày 11/6/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ về chuyển đổi Hệ

			thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 đang áp dụng tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng sang phiên bản TCVN ISO 9001: 2015 trong năm 2018.
5	Nội dung khác	Có	- Ban hành kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 23/02/2018) và kế hoạch tổ chức đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (Kế hoạch số 17/KH-BQL ngày 16/3/2018). - Ban hành Kế hoạch số 27/KH-BQL ngày 08/8/2018 về chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001: 2015.

Biểu mẫu 14

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú[19]
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết[20]			
1	Cấp tỉnh	0	0	0	0	0	Từ đầu năm đến nay, không có ý kiến phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý.

[19] Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

[20] Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp